

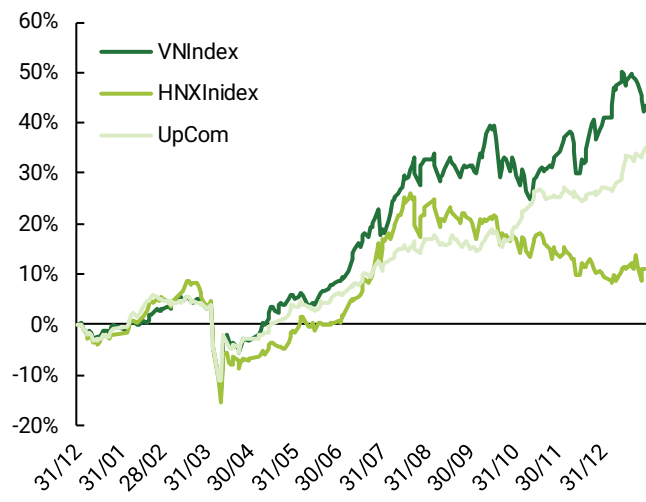
VN-Index **1814.98 (0.67%)**
794 Tr. cổ phiếu 25628.1 Tỷ VND (-26.23%)

HNX-Index **252.72 (0.10%)**
76 Tr. cổ phiếu 1725.0 Tỷ VND (-38.25%)

UPCOM-Index **128.44 (0.57%)**
53 Tr. cổ phiếu 997.9 Tỷ VND (-43.61%)

VN30F1M **2025.10 (1.06%)**
231,765 HD OI: 42,830 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1815.0, tăng +12.1 điểm (+0.67%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường cải thiện về phía mua. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Dòng tiền đang trở lại phân hóa trên cơ sở tái định giá lại kỳ vọng. Diễn biến tích cực ghi nhận tại nhóm Tiêu dùng, Bán lẻ, trong khi áp lực bán vẫn chi phối ở các cổ phiếu đã tăng mạnh gần đây hoặc triển vọng kinh doanh suy giảm.

Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VRE (+3.1%), VHM (+2.6%), SIP (+2.8%) | Thực phẩm và đồ uống: VHC (+6.6%), MSN (+5.8%), ANV (+5.5%) | Hóa chất: GVR (+6.9%), DCM (+2.8%) | Tài nguyên Cơ bản: BMC (+6.8%), SMC (+6.4%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Ngân hàng: HDB (-2.3%), TPB (-1.2%), NAB (-1.1%) | Tiện ích: POW (-2.9%), GAS (-1.0%), NT2 (-0.4%) | Dầu khí: PLX (-2.0%), PVD (-1.6%) | Du lịch và Giải trí: VJC (-4.4%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VHM, GVR, VNM, MSN, MWG - Chiều giảm | VJC, HDB, GAS, PLX, POW, LPB
Khối ngoại Bán ròng gần 460 tỷ, tập trung nhiều ở VIC, ACB, VCB, trong khi mua ròng MSN, FPT, PNJ.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Hammer, tuy nhiên, thanh khoản duy trì mức thấp hàm ý động lực mua lên chưa thuyết phục. Phản ứng nghiêng về bật tăng kỹ thuật khi tiếp cận mốc tâm lý 1800 điểm. Chỉ báo MACD và RSI vẫn trên đà giảm và chưa cải thiện rõ ràng. Dù vậy, điểm sáng là dòng tiền đang luân chuyển tích cực, trên cơ sở tái định giá lại kỳ vọng. Sự phân hóa cho thấy trạng thái tìm kiếm cơ hội mới hơn là dấu hiệu rút lui tiêu cực. Trong ngắn hạn, VN-Index có thể tiếp tục củng cố dao động quanh mốc tâm lý 1800 điểm. Kháng cự gần ở chiều hồi phục quanh vùng 1850 - 1860 điểm, trong khi hỗ trợ thấp hơn cho xu hướng quanh ngưỡng 1760 điểm.
- HNX-Index** kết phiên với mẫu hình nến Doji, hàm ý sự giằng co giữa hai bên mua - bán vẫn tiếp diễn. Vận động có lẽ tiếp tục củng cố, kiểm định thêm nền giá quanh khu vực 250 - 254.
- Chiến lược chung:** Tỷ trọng tài khoản nên được duy trì ở mức trung bình. Chiều mua mới phù hợp khẩu vị lướt sóng theo dòng tiền, có thể tận dụng tín hiệu kiểm định tốt hỗ trợ và bật tăng ngắn hạn ở các cổ phiếu. Ưu tiên lựa chọn các mã vận động đồng pha với sóng ngành. Nhóm ngành nổi bật: Công nghệ, Thực phẩm và đồ uống, Bán lẻ.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua PC1, TVN (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
	Giá đóng cửa	(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,815.0	0.67%	-3.6%	3.4%	25,628.1	-26.2%	-23.9%	15.5%	793.9	-28.4%	-25.1%	16.3%
HNX-Index	252.7	0.10%	-2.2%	0.6%	1,725.0	-38.2%	-32.2%	32.4%	75.8	-27.7%	-35.5%	27.3%
UPCOM-Index	128.4	0.57%	1.0%	6.8%	997.9	-43.6%	-34.1%	38.4%	53.4	-17.6%	-19.3%	13.2%
VN30	2,019.0	1.1%	-3.0%	1.4%	15,993.5	-29.4%	-19.4%	19.9%	339.1	-35.6%	-21.1%	7.4%
VNMID	2,203.8	0.7%	-3.3%	-0.9%	7,060.6	-20.9%	-29.9%	14.6%	235.9	-34.2%	-42.3%	0.6%
VNSML	1,486.2	0.75%	-1.9%	0.5%	1,450.4	0.3%	-36.1%	18.3%	107.6	16.1%	-28.5%	43.4%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	683.8	-0.1%	-2.94%	10.7%	5,492.3	-50.29%	-42.2%	-46.3%	198.5	-44.7%	-33.7%	-42.2%
Bất động sản	719.7	0.7%	-11.2%	-6.6%	3,158.8	-43.2%	-27.6%	-37.6%	108.7	-33.7%	-30.5%	-29.5%
Dịch vụ tài chính	320.1	0.1%	-0.6%	3.4%	1,867.2	-50.9%	-53.5%	-54.9%	75.9	-50.9%	-51.9%	-52.1%
Công nghiệp	267.8	0.6%	-5.5%	-3.0%	1,039.9	-9.6%	-17.4%	-31.0%	28.9	-10.7%	-19.3%	-25.4%
Tài nguyên cơ bản	536.3	1.4%	-0.4%	-0.2%	949.7	-6.0%	-0.3%	-25.1%	40.7	-3.3%	0.1%	-23.4%
Xây dựng - Vật Liệu	180.7	0.2%	-2.2%	0.6%	866.7	-29.3%	-35.2%	-29.9%	45.7	-26.5%	-33.3%	-22.9%
Thực phẩm	560.5	2.8%	-1.9%	-0.1%	4,161.7	84.7%	91.6%	93.9%	77.4	62.5%	54.7%	63.2%
Bán Lẻ	1,649.1	4.4%	0.5%	1.1%	1,938.5	87.9%	97.5%	108.0%	23.9	90.3%	64.8%	82.4%
Công nghệ	563.8	1.4%	-0.7%	12.2%	1,599.9	2.0%	33.1%	45.4%	17.4	-2.8%	26.7%	33.3%
Hóa chất	205.4	4.55%	-0.6%	32.9%	958.7	-15.8%	-31.0%	-13.4%	24.8	-13.6%	-29.0%	-14.6%
Tiện ích	936.6	-0.7%	3.8%	37.9%	749.3	-40.6%	-26.1%	-13.8%	23.8	-24.0%	-20.8%	-18.9%
Dầu khí	107.2	-1.02%	-0.4%	43.5%	1,138.5	-54.0%	-37.4%	-18.3%	33.6	-56.3%	-41.7%	-31.3%
Dược phẩm	451.5	0.3%	0.9%	5.6%	50.5	-22.5%	-10.2%	-1.9%	2.4	-14.4%	-10.8%	12.5%
Bảo hiểm	109.9	0.9%	-6.1%	19.1%	81.9	2.1%	-32.3%	-36.8%	2.1	25.3%	-13.6%	-27.2%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,815.0	0.67%	43.3%	17.5x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,331	-0.58%	-4.9%	14.3x	1.3x
JCI-Index	Indonesia	8,232	-1.06%	16.3%	20.8x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,692	-1.17%	0.8%	17.0x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,223	-2.08%	-4.7%	10.6x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,158	0.16%	24.1%	19.8x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	27,968	0.51%	39.4%	14.1x	1.5x
Nikkei 225	Nhật Bản	53,376	0.03%	33.8%	22.6x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,978	-0.01%	18.6%	27.9x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	49,016	0.02%	15.2%	25.4x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,195	0.40%	24.7%	15.3x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,954	0.35%	21.6%	17.9x	2.5x
DXV		96.3	0.13%	-11.2%		
USDVND		26,020	-0.21%	2.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

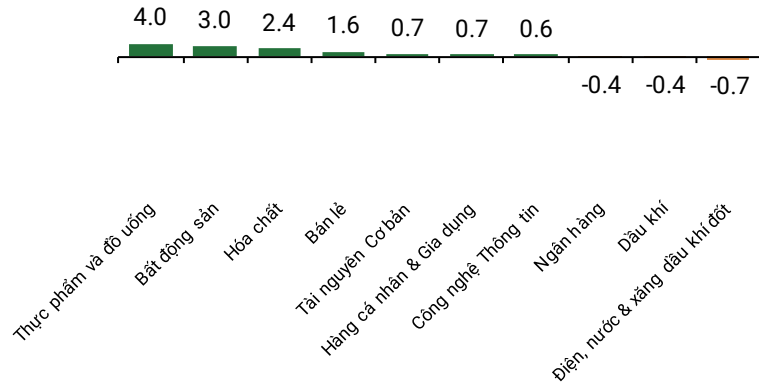
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.8%	12.4%	-6.7%	-9.1%
Dầu WTI	▲	1.9%	11.0%	-10.2%	-11.3%
Khí gas	▲	3.4%	-18.4%	5.3%	8.2%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-3.5%	-13.7%	-7.9%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	0.0%	-5.6%	-5.1%
PVC (*)	▬	0.0%	2.4%	-11.5%	-12.4%
Phân Urea (*)	▲	1.2%	4.4%	15.3%	11.8%
Cao su thiên nhiên	▲	2.1%	4.4%	-3.1%	-3.0%
Bông Cotton	▬	0.1%	-0.7%	-6.6%	-4.1%
Đường	▼	-0.5%	-3.3%	-23.4%	-24.2%
World Container Index	▼	-4.7%	-4.78%	-44.6%	-38.8%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.0%	24.8%	77.6%	93.6%
Vàng	▲	6.3%	27.1%	109.8%	99.6%
Bạc	▲	4.7%	62.6%	305.8%	280.2%

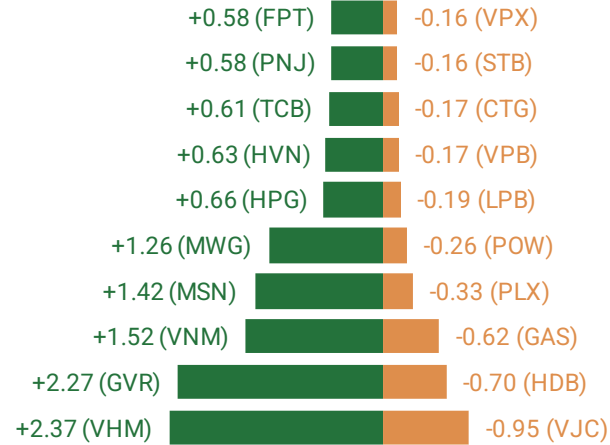
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

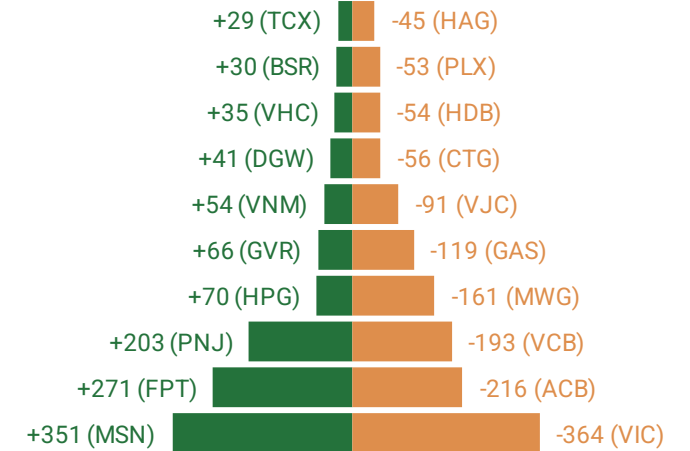
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



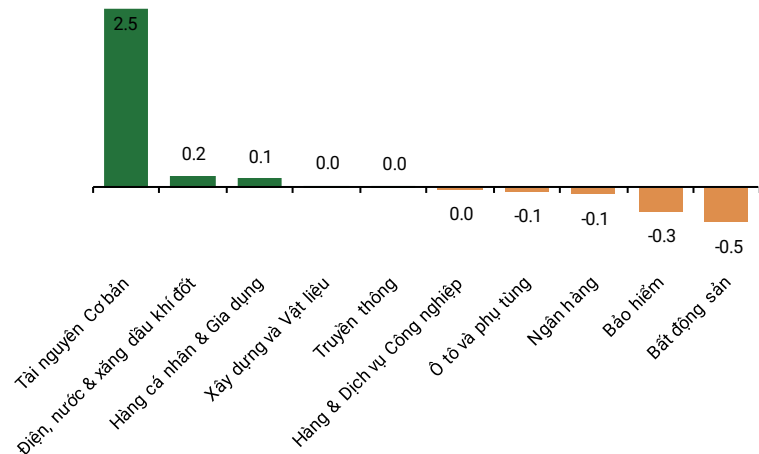
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



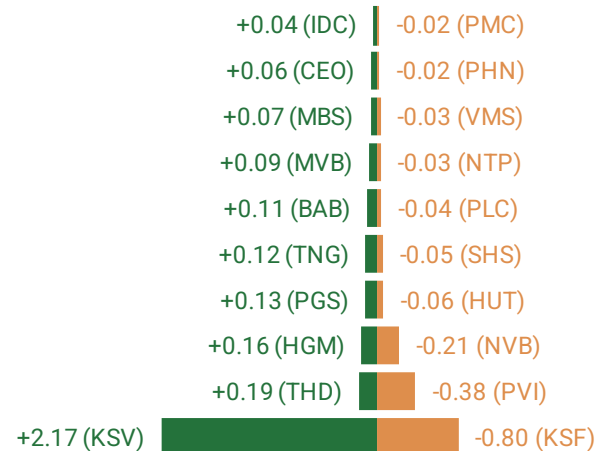
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



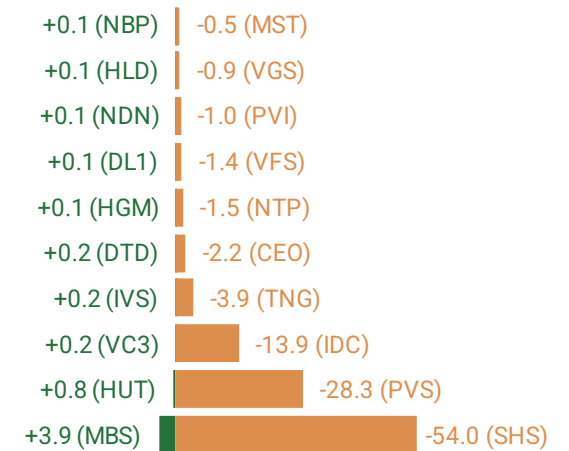
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



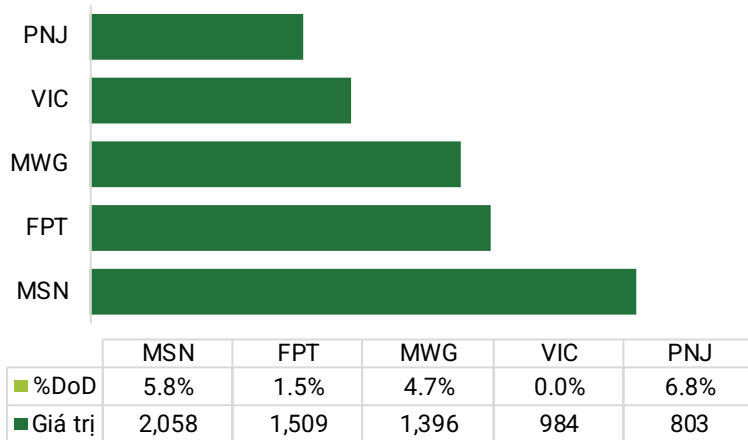
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



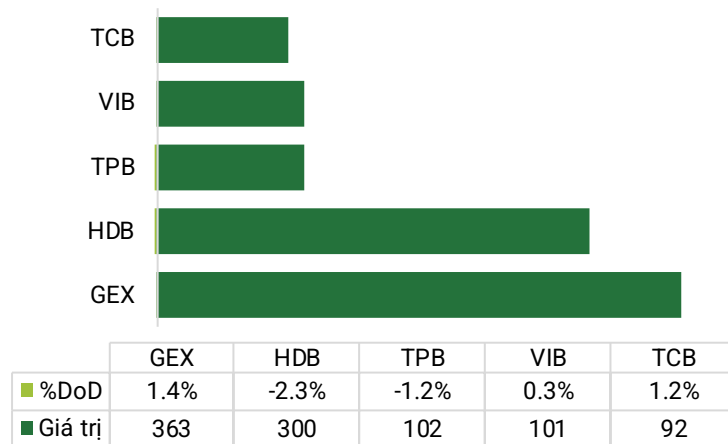
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

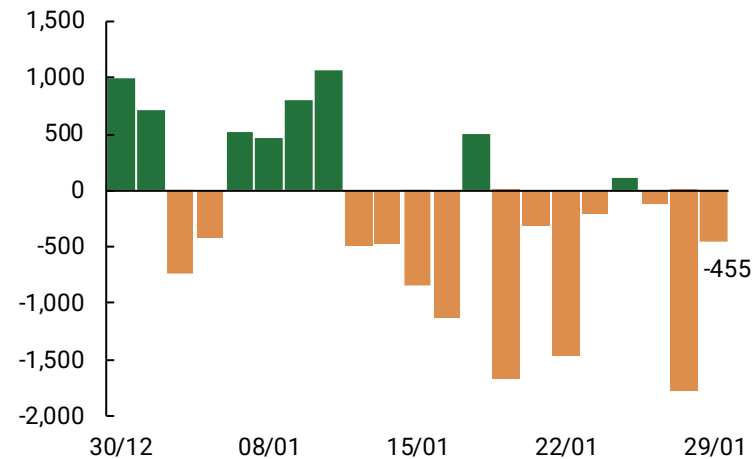


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

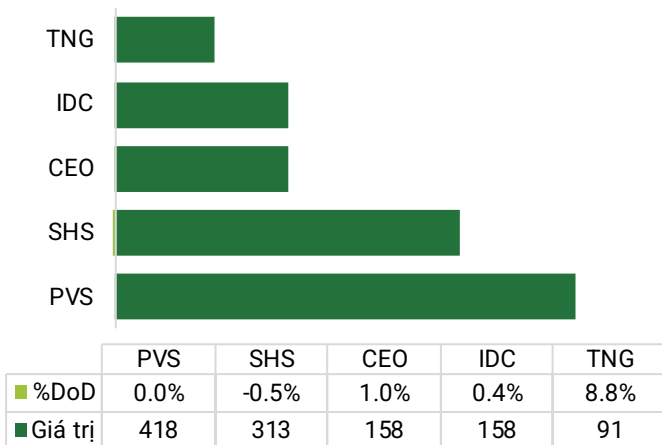


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

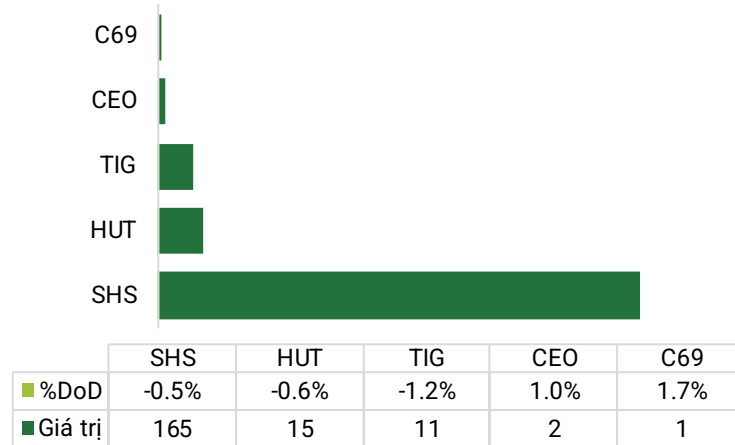
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



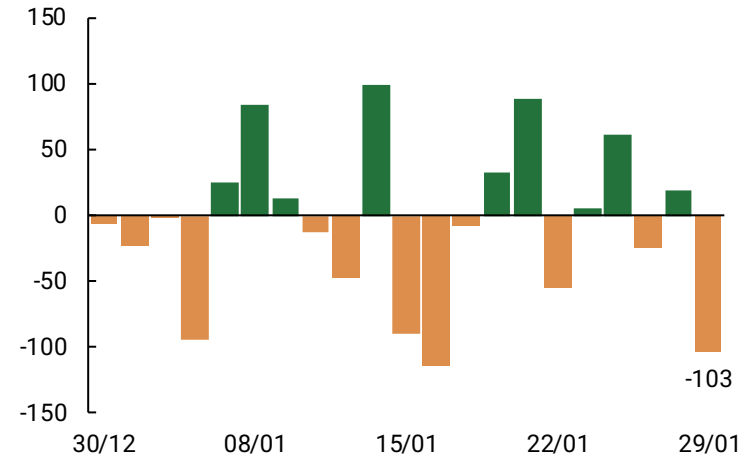
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Hammer, vol giảm về dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1860 - 1880.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt, MACD cắt xuống đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh ngắn hạn.

Kịch bản: Chỉ số bật tăng kỹ thuật khi tiếp cận vùng hỗ trợ tâm lý quanh ngưỡng 1800 điểm. Dù vậy, thanh khoản thấp hàm ý động lực mua lên chưa thuyết phục. Chỉ báo MACD và RSI vẫn trên đà giảm, chưa cải thiện rõ ràng. Vận động có lẽ tiếp tục rung lắc, kiểm định thêm nền giá quanh đây. Hỗ trợ thấp hơn quanh ngưỡng 1760 trong khi kháng cự ở chiều hồi phục là ngưỡng 1860.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Bullish harami, vol giảm dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2000.
- ✓ Kháng cự: 2060 - 2080.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt, MACD cắt xuống đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh ngắn hạn.

➔ Chỉ số bật tăng khi tiếp cận mốc tâm lý 2000 điểm. Đáng chú ý, vol vẫn duy trì mức thấp hàm ý dòng tiền lớn chưa nhập cuộc. Phản ứng có lẽ nghiêng về phục hồi kỹ thuật. Vận động khả năng tiếp tục củng cố, kiểm định thêm nền giá quanh đây. Hỗ trợ thấp hơn quanh vùng 1940 – 1950 điểm, trong khi kháng cự ở chiều hồi phục là ngưỡng 2060.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	PC1	BUY	Current price		24.0	P/E (x)	15.2	
			Action price	30/01	23.6 - 24	P/B (x)	1.44	
Exchange	HOSE					EPS	1584.0	
			Target price		26.5	11.3%	ROE	10.0%
Sector	Heavy Construction		Cut loss		22.4	-5.9%	Stock Rating	BB
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Gía kiểm định tốt MA50 ngày.
 - Chỉ báo MACD thu hẹp với đường tín hiệu, cùng với RSI tăng trở lại trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản tăng cho thấy lực cầu vẫn tham gia tốt.
- ➔ Tín hiệu điều chỉnh lành mạnh và khả năng quay lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng khi giá rung lắc kiểm định thêm vùng 23.5 - 24.

STOCK		STRATEGY		Technical			Financial Ratio	
Ticker	TVN	BUY	Current price		8.8		P/E (x)	9.1
			Action price	30/01	8.6 - 8.8		P/B (x)	0.68
Exchange	UPCoM		Target price		10	14.9%	EPS	972.9
			Cut loss		8	-8.0%	ROE	7.8%
Sector	Steel						Stock Rating	BB
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Gia kiểm định tốt MA20 ngày quanh khu vực 8.5 .
 - Chỉ báo MACD thu hẹp với đường tín hiệu, cùng với RSI tăng trở lại trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản tăng cho thấy lực cầu vẫn tham gia tốt.
- Tín hiệu điều chỉnh lành mạnh và khả năng quay lại quán tính tăng.
- Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng khi giá rung lắc kiểm định thêm vùng 8.6 – 8.8.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PC1	Mua	30/01/2026	24.00	23.6 - 24	-	26.5	11.3%	22.4	-5.9%	
2	TVN	Mua	30/01/2026	8.8	8.6 - 8.8	-	10.0	14.9%	8	-8.0%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	ACV	Mua	22/01/2026	-	52.60	59 - 60	-11.6%	70.0	17.6%	54	-9.2%	
2	MSN	Mua	23/01/2026	-	84.10	79.4 - 79.9	5.6%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
3	FPT	Mua	26/01/2026	-	106.10	100 - 101	5.6%	112.0	11.4%	95.0	-5.5%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2025.1, tăng 21.3 điểm (+1.3%). Diễn biến phục hồi chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch, dù có nhiều rung lắc vào phiên chiều.
- Ở đồ thị 1 giờ**, giá tạo mẫu hình nền tăng Marubozu cho thấy lực cầu trở lại chiếm ưu thế. Chỉ báo MACD cũng cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI đang giữ đà phục hồi, hàm ý động lượng tăng cải thiện. Vị thế Long cân nhắc khi giá vượt và củng cố trên ngưỡng 2028, có thể tăng tỷ trọng nếu giá tiếp tục bứt phá ngưỡng 2044 điểm. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2010.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1889.1, tăng 10 điểm (+0.5%). Độ lệch basis +7.3 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 28 HĐ. Hỗ trợ gần hiện quanh ngưỡng 1880, trong khi kháng cự ở chiều hồi phục là ngưỡng 1900 điểm.

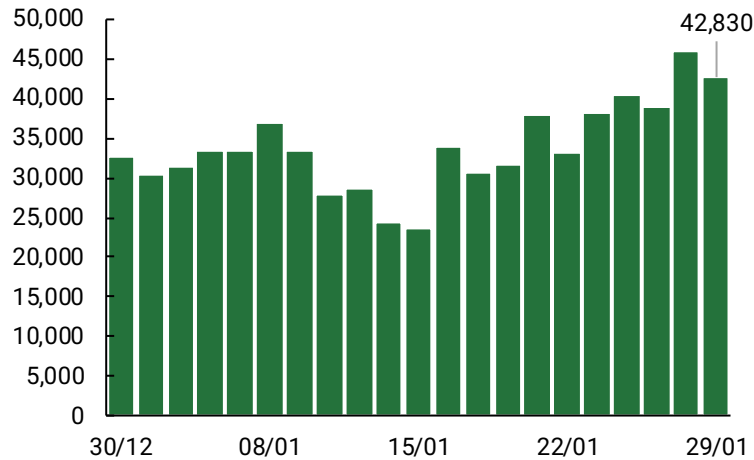
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 2028	2042	2019	14 : 09
Long	> 2044	2058	2036	14 : 08
Short	< 2010	1998	2018	12 : 08

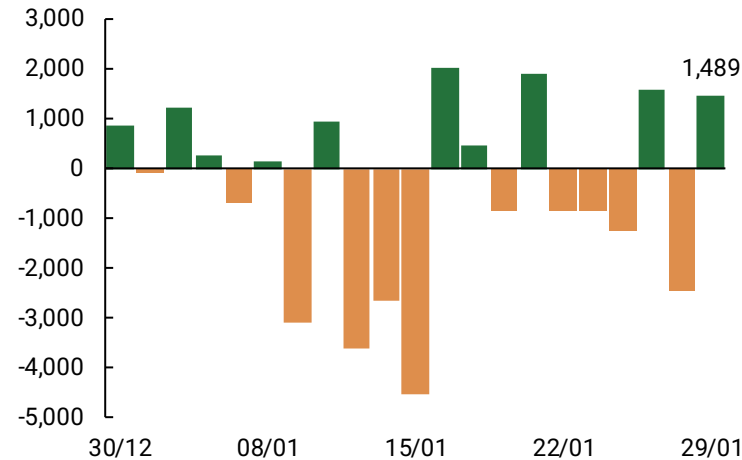
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	2,020.0	23.4	59	118	2,031.8	-11.8	17/09/2026	231
4111G6000	2,023.0	18.0	25	343	2,026.7	-3.7	18/06/2026	140
4111G3000	2,020.5	18.5	292	1,777	2,021.7	-1.2	19/03/2026	49
4111G2000	2,025.1	21.3	231,765	42,830	2,019.8	5.3	13/02/2026	15
4112G2000	1,889.1	10.0	28	31	1,882.6	6.5	13/02/2026	15

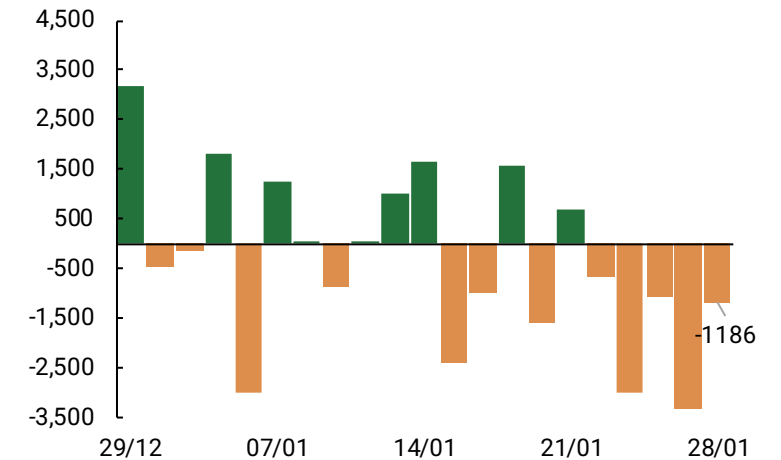
Khối lượng mở (Open interest)



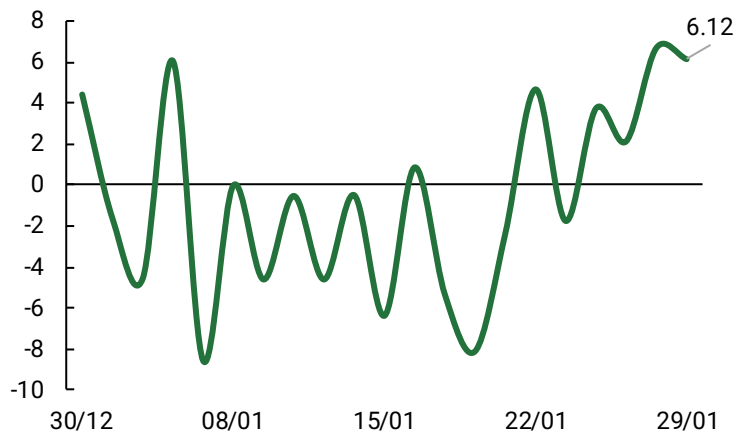
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



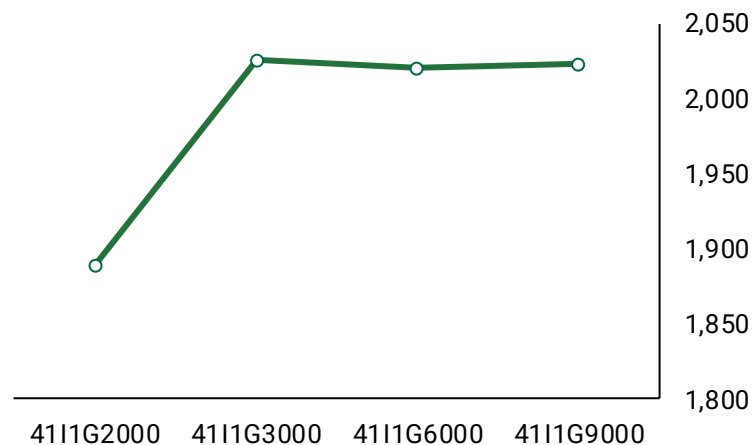
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



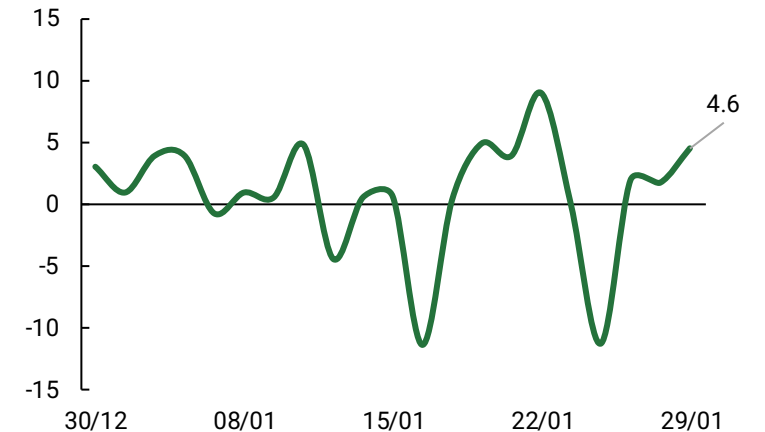
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,700	65,400	-13.6%	Bán
BCM	66,000	74,500	12.9%	Tăng tỷ trọng
CTD	75,900	87,050	14.7%	Tăng tỷ trọng
CTI	23,450	27,200	16.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	51,900	68,000	31.0%	Mua
DDV	28,283	35,500	25.5%	Mua
DGC	67,800	99,300	46.5%	Mua
DGW	47,050	48,500	3.1%	Nắm giữ
DPG	44,000	53,100	20.7%	Mua
DPR	40,300	46,500	15.4%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,329	17,200	39.5%	Mua
EVF	11,650	14,400	23.6%	Mua
FRT	165,000	135,800	-17.7%	Bán
GMD	67,900	72,700	7.1%	Nắm giữ
HAH	56,200	67,600	20.3%	Mua
HDG	26,400	33,800	28.0%	Mua
HHV	12,200	12,300	0.8%	Nắm giữ
HPG	27,100	30,200	11.4%	Tăng tỷ trọng
IMP	53,800	55,000	2.2%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	26,700	22,700	-15.0%	Bán
MSH	35,750	43,100	20.6%	Mua
MWG	89,500	92,500	3.4%	Nắm giữ
NLG	28,450	39,900	40.2%	Mua
NT2	26,250	27,400	4.4%	Nắm giữ
PHR	62,000	72,800	17.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	126,500	95,800	-24.3%	Bán
PVT	20,500	18,900	-7.8%	Giảm tỷ trọng
SAB	50,300	57,900	15.1%	Tăng tỷ trọng
TLG	51,800	53,400	3.1%	Nắm giữ
TCB	34,900	35,650	2.1%	Nắm giữ
TCM	26,600	37,900	42.5%	Mua
TRC	78,300	95,800	22.3%	Mua
VCG	19,000	26,200	37.9%	Mua
VHC	65,000	60,000	-7.7%	Giảm tỷ trọng
VNM	71,100	66,650	-6.3%	Giảm tỷ trọng
VSC	20,550	17,900	-12.9%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

Fed giữ nguyên lãi suất như dự đoán: Tại cuộc họp chính sách đầu tiên của năm 2026, Fed đã quyết định tạm dừng chuỗi cắt giảm lãi suất gần đây, trong bối cảnh ngân hàng trung ương này phải đối mặt với những câu hỏi về tính độc lập và chờ đợi một nhà lãnh đạo mới. Đúng như kỳ vọng của thị trường, Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC, cơ quan hoạch định tiền tệ của Fed) đã bỏ phiếu giữ nguyên lãi suất chuẩn trong phạm vi mục tiêu 3.5 - 3.75%.

Gia Vàng tiếp tục tăng mạnh: Thị trường vàng và bạc thế giới tiếp tục lập các đỉnh cao lịch sử mới với bước tăng chưa từng có, sau khi Mỹ kết thúc cuộc họp chính sách tiền tệ và tín hiệu từ Trung Quốc. Động thái mua mạnh và chênh giá vàng trên sàn Thượng Hải có thể đã góp phần đẩy giá vàng liên tục lập các đỉnh giá mới. Trong nước, vàng miếng SJC đã tăng trên 190.2 triệu đồng/lượng (giá bán). Vàng nhẫn SJC cũng tăng lên mức tương đương.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

PVS - Lợi nhuận năm của PVS tăng gấp rưỡi cùng kỳ: Trong quý IV/2025, công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 9,553 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ. Dù vậy, lợi nhuận gộp trong kỳ lại tăng mạnh, gấp 3.4 lần, lên 788 tỷ đồng. Song song với đó, doanh nghiệp tiếp tục kiểm soát chi phí hiệu quả, sau cùng, PVS ghi nhận lợi nhuận sau thuế gần 950 tỷ đồng, tăng gần 73% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2025, doanh thu thuần của PVS đạt khoảng 32,556 tỷ đồng, tăng 37% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế theo đó đạt 1,899 tỷ đồng, cao hơn 51% so với năm trước.

KSB - Mảng đá xây dựng và khu công nghiệp bứt tốc, lợi nhuận lập đỉnh: Trong Quý IV/2025, công ty ghi nhận doanh thu thuần gần 181 tỷ đồng, tăng 52% so với cùng kỳ. Lợi nhuận ròng đạt hơn 40 tỷ đồng, tăng 105%. Sự tăng trưởng mạnh mẽ trong quý cuối năm đã tạo đà tích cực cho kết quả kinh doanh lũy kế cả năm 2025. Doanh thu thuần gần 711 tỷ đồng, tăng 77%. Lãi ròng gần 155 tỷ đồng, gấp gần 3 lần so với năm 2024, mức cao nhất trong 4 năm qua.

VIB - Lợi nhuận 2025 vượt 9000 tỷ đồng: Năm 2025, VIB ghi nhận lợi nhuận trước thuế hơn 9,100 tỷ đồng, tăng trưởng 1% so với năm trước, với tổng tài sản vượt 556,000 tỷ đồng (+13%). Chất lượng tài sản cải thiện, nợ xấu giảm còn 2,16%. VIB hoàn thành triển khai Basel III theo Thông tư 14/2025, duy trì các chỉ số an toàn vốn ở mức tối ưu. Thu nhập ngoài lãi tăng 3%, đóng góp 20% tổng doanh thu. Thẻ tín dụng và bảo hiểm tăng trưởng ấn tượng với 1.1 triệu thẻ tín dụng và thu nhập bảo hiểm tăng 2.2 lần. VIB vừa hoàn tất giai đoạn nền tảng kéo dài gần một thập kỷ, bước sang giai đoạn tăng trưởng mạnh dựa trên công nghệ và tiêu chuẩn quốc tế.

NLG - Nam Long cán đích lợi nhuận 2025: Trong năm qua, doanh thu thuần của NLG đạt 5,645 tỷ đồng, đến chủ yếu từ các dự án trọng điểm như Southgate (1,975 tỷ đồng), Cần Thơ (1,388 tỷ đồng) và Akari (1,037 tỷ đồng). Đây đều là những dự án đã bước vào giai đoạn bàn giao hoặc có tiến độ triển khai ổn định, giúp Nam Long duy trì dòng tiền cho hoạt động kinh doanh cốt lõi. Kết thúc năm, NLG lãi ròng 701 tỷ đồng, tăng 35% so với năm trước, đánh dấu năm có lợi nhuận cao nhất trong vòng 4 năm trở lại đây. Kết quả này cũng đã hoàn thành mục tiêu lợi nhuận mà đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

- 05/01 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 06/01 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 12 và Quý 4/2025
- 09/01 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 13/01 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 14/01 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
- 15/01 Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng phái sinh
- 19/01 Trung Quốc - GDP Quý 4 yoy
Việt Nam - Công bố thành phần VN30
- 20/01 Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
- 22/01 Mỹ - GDP Q3 cuối cùng
- 28/01 Canada - BOC họp và công bố lãi suất
- 27 – 28/01 Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
- 30/01 Hạn chót tái cơ cấu trước khi danh mục VN30 mới có hiệu lực.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415